CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng

Ngày 30/06/2025	3,990 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	25.9%	**22.8%**	**24.3%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,740 - 3,990
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	110
Số lượng CPLH (CP)	27,605,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	78,170
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.11
EPS	480
P/E	8.3

DT thuần
Q2/25
50.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.30| -7.8%
YoY: ▼66.2| -56.6%

LN thuần
Q2/25
0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -3.4%
YoY: ▼3.78| -92.7%

LN sau thuế
Q2/25
0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.02| -6.4%
YoY: ▼3.94| -92.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.3%
YoY: +/-▲ 1.1%

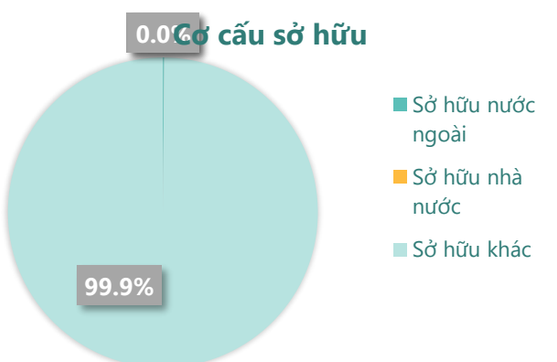
ROE (TTM)
Q2/25
5.2%
YoY: +/-▼ 1.6%

DT thuần
6T 2025
106
tỷ VNĐ
YoY: ▼65.0| -38.0%

LN thuần
6T 2025
0.61
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.19| -23.3%

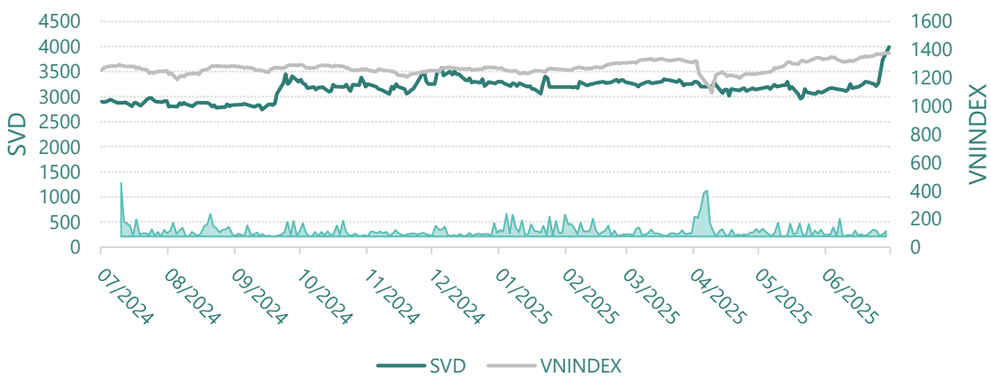
LN sau thuế
6T 2025
0.62
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.34| -35.4%

Cơ cấu sở hữu

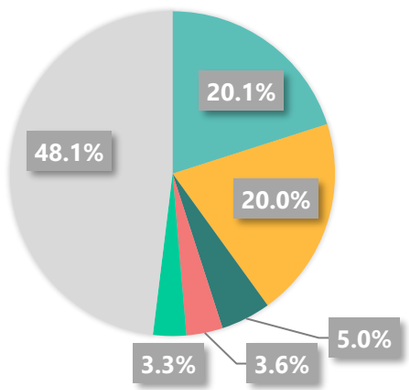


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



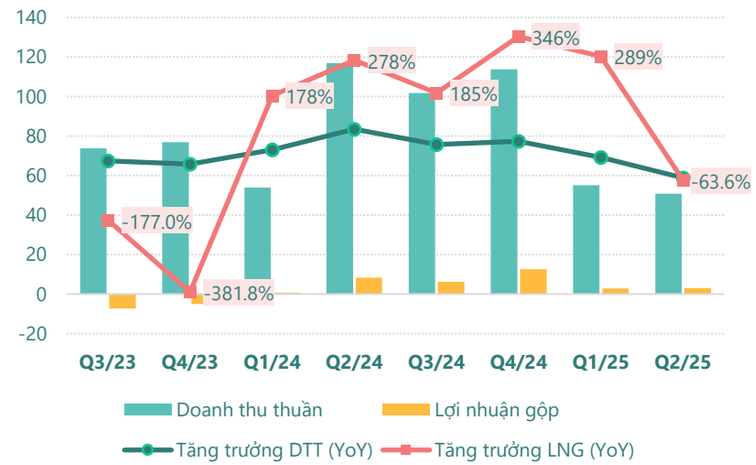
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

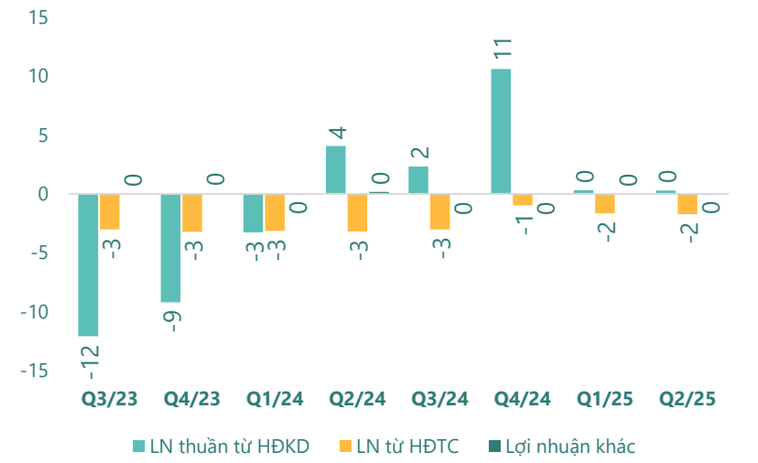
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



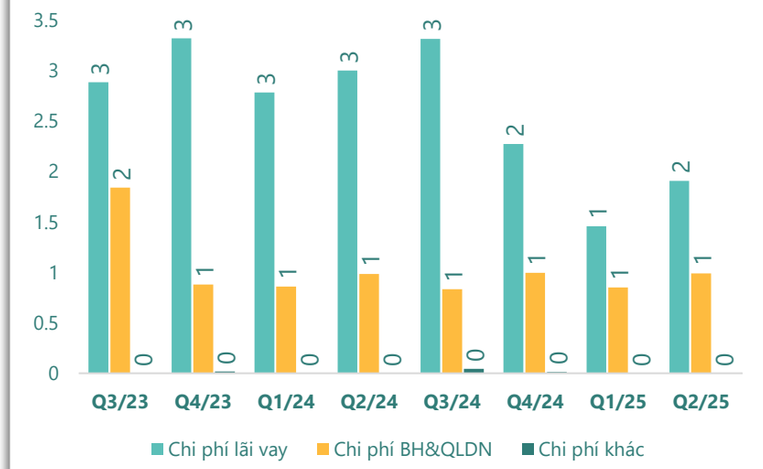
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



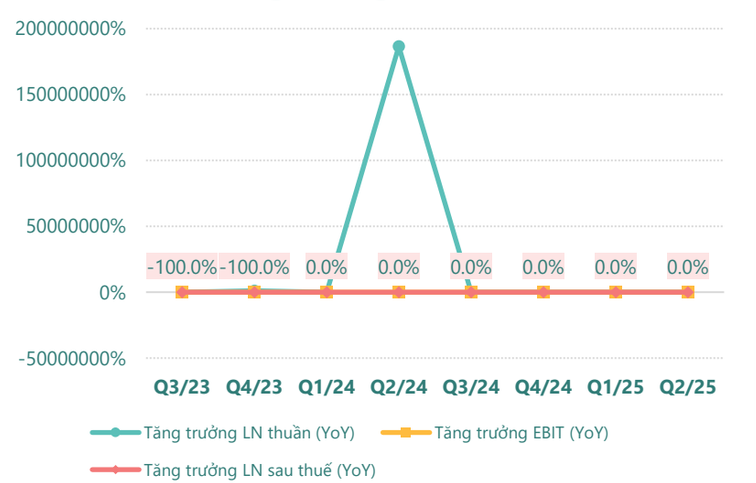
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



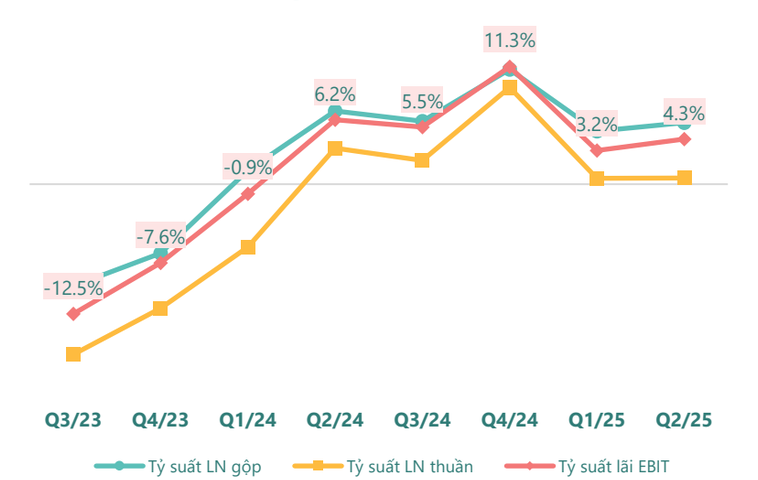
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



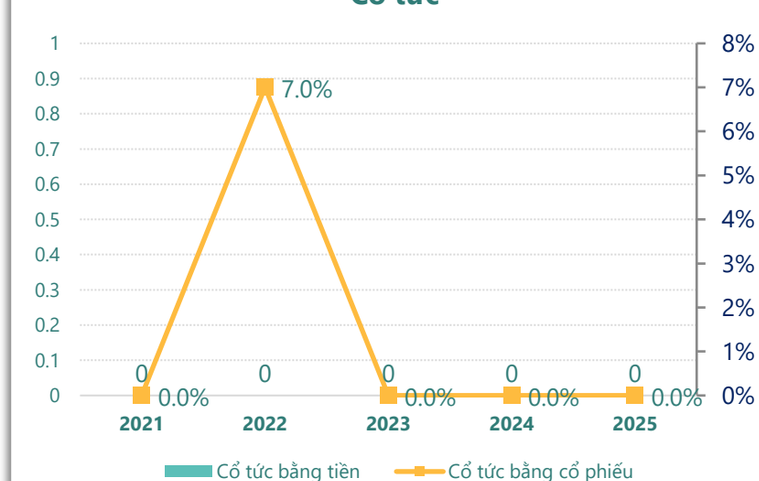
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

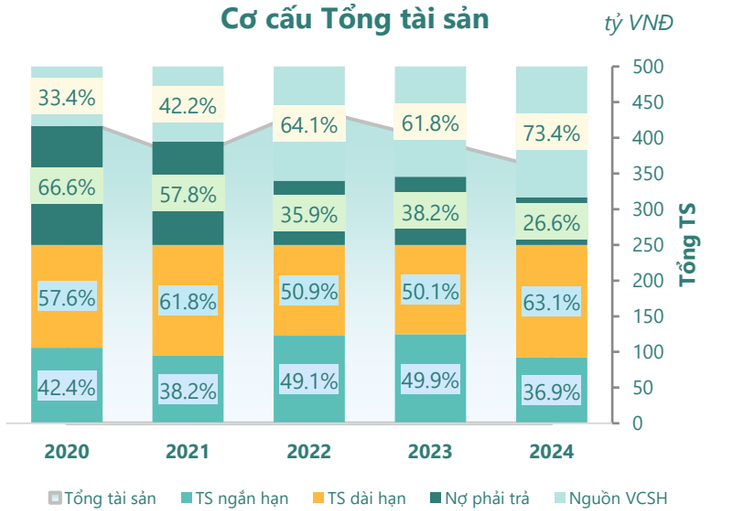
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

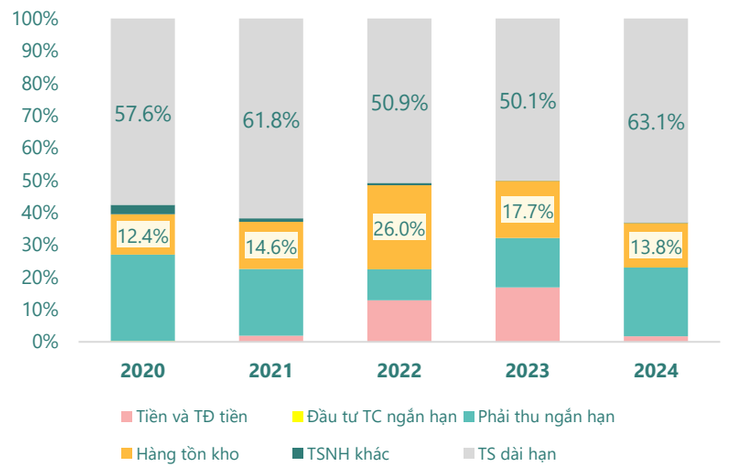
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



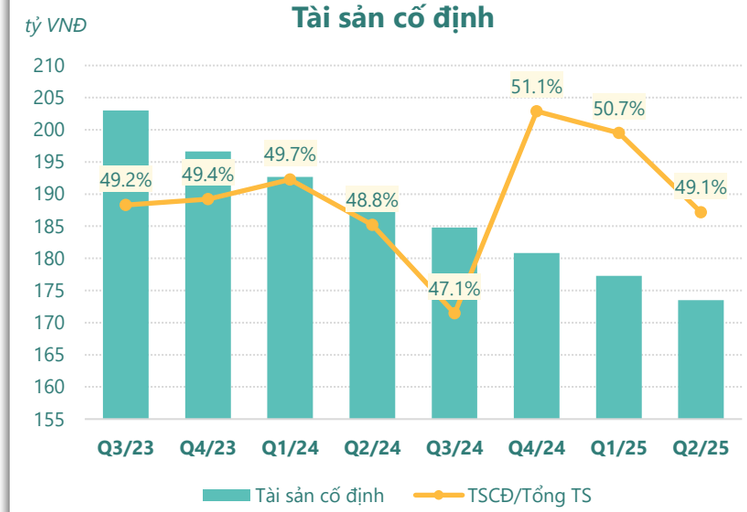
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



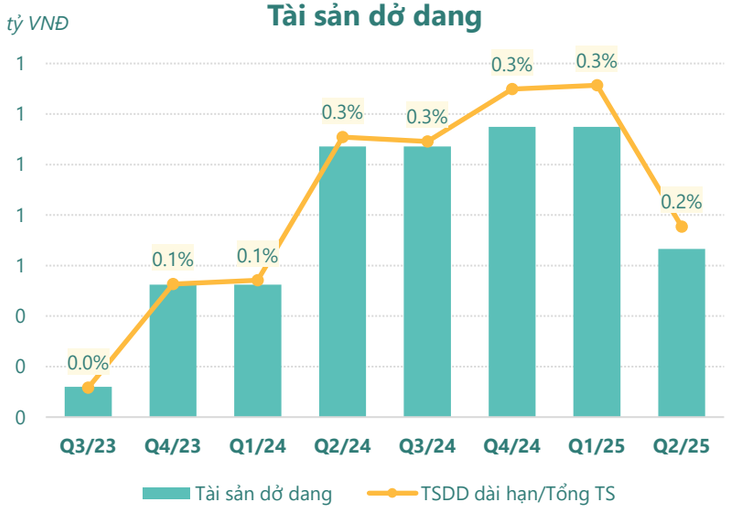
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



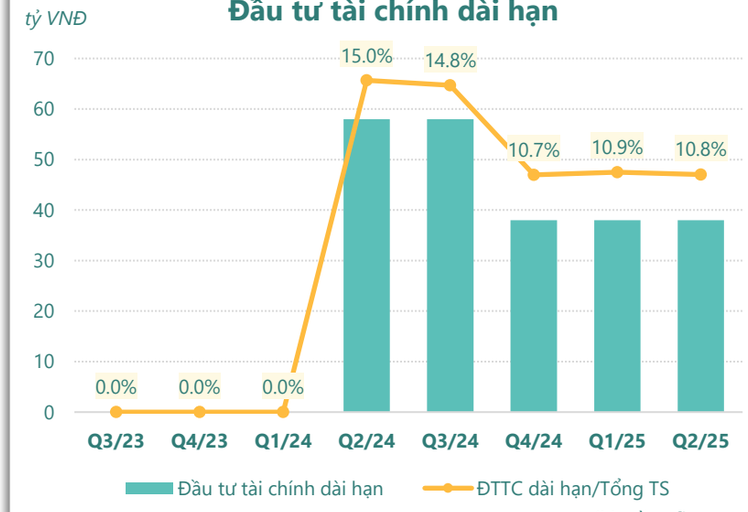
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



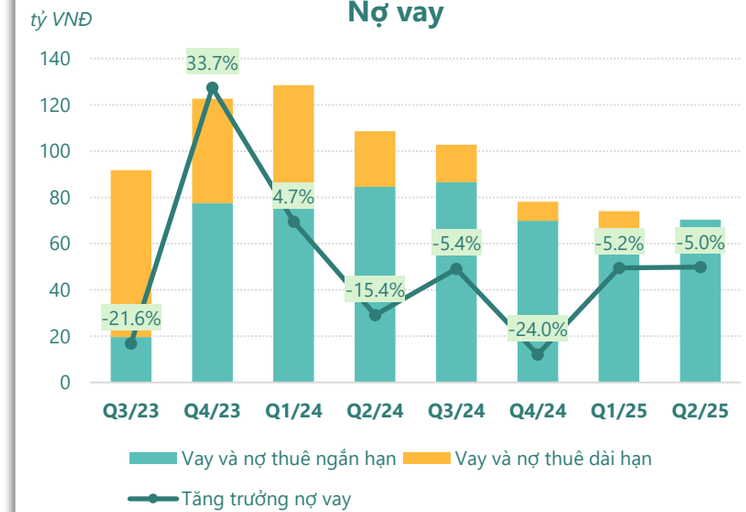
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

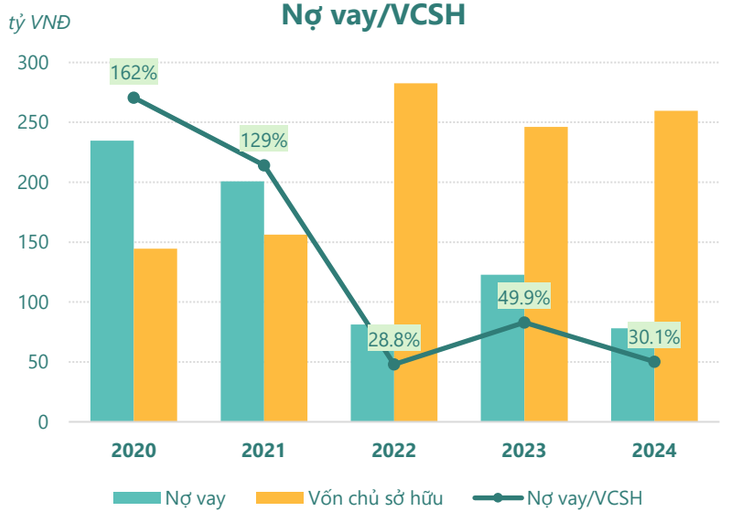
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

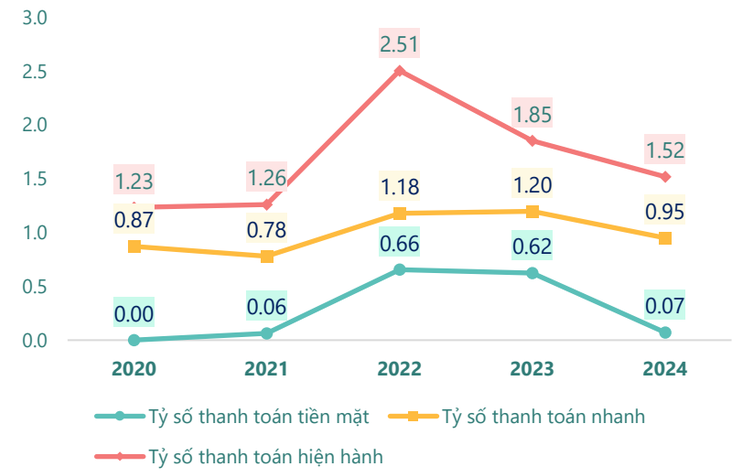
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



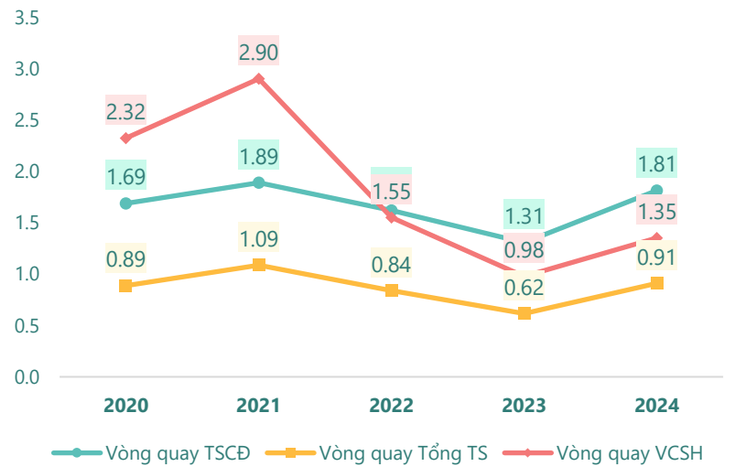
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



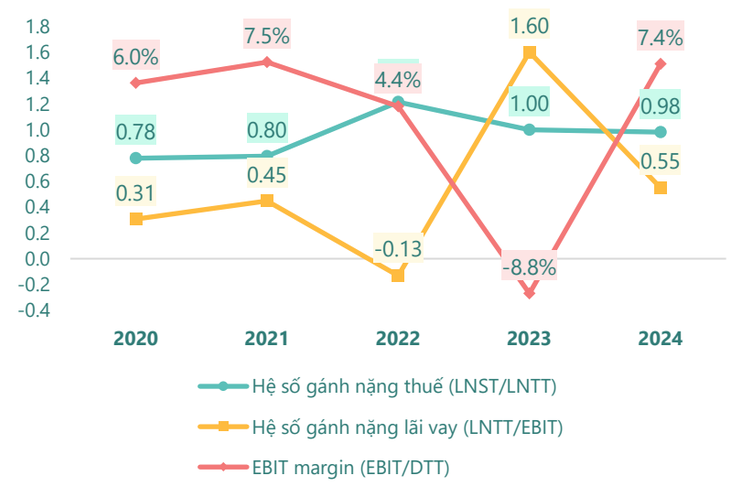
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



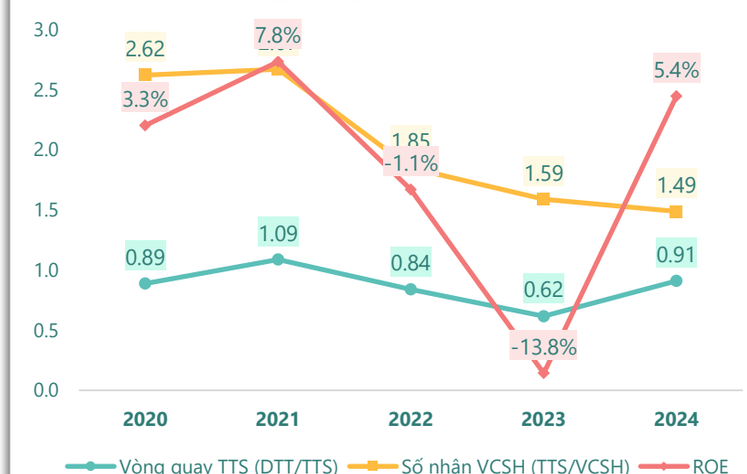
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



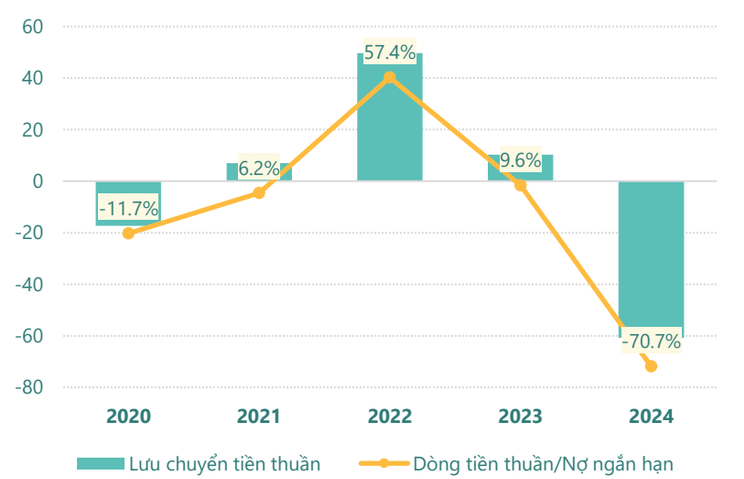
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**50.8**	**117**	**-56.6%**	**106**	**171**	**-38.0%**
Giá vốn hàng bán	47.8	109	-56.1%	100	162	-38.2%
Lợi nhuận gộp	3.01	8.26	-63.5%	5.82	8.99	-35.2%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.06	-96.9%
Chi phí TC	1.72	3.21	-46.4%	3.37	6.40	-47.4%
Chi phí lãi vay	1.91	3.00	-36.4%	3.37	5.79	-41.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.01	-100%	0.01	0.01	-35.2%
Chi phí QLDN	**0.99**	**0.97**	**2.2%**	**1.83**	**1.83**	**0.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.30	4.08	-92.7%	0.61	0.80	-23.3%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.17**	**-100%**	**0.01**	**0.17**	**-93.2%**
LN trước thuế	0.30	4.24	-92.9%	0.62	0.96	-35.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.30**	**4.24**	**-92.9%**	**0.62**	**0.96**	**-35.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.30**	**4.24**	**-92.9%**	**0.62**	**0.96**	**-35.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-56.6	67.4	6.57	3.46	12.5	-2.63
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.12	-58.5	0.00	21.2	0.01	-0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.82	-19.9	-5.88	-24.6	-4.10	-3.73
Tiền đầu kỳ	66.9	16.3	5.36	6.05	6.10	14.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-50.6**	**-11.0**	**0.69**	**0.05**	**8.42**	**-6.37**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	16.3	5.36	6.05	6.10	14.5	8.15

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**353**	**354**	**-0.1%**
Tài sản ngắn hạn	138	131	5.9%
Tiền và tương đương tiền	8.15	6.10	33.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	45.4	75.2	-39.6%
Hàng tồn kho	82.9	48.8	69.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.84	0.53	245%
Tài sản dài hạn	**215**	**223**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	174	181	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.67	1.15	-42.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.0	38.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.91**	**3.35**	**-13.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	93.1	94.2	-1.2%
Nợ ngắn hạn	**93.1**	**86.0**	**8.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.3	69.9	0.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.21	6.39	-18.4%
Nợ dài hạn	0	8.24	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	8.24	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**260**	**260**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**260**	**260**	**0.2%**
Vốn điều lệ	276	276	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)